TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập- Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 73/2024/HNGĐ-ST
Ngày 28-5-2024
V/v chia tài sản sau ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Luân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn

Bà Đoàn Thị Sim

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Bảo Trân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2024/TLST-HNGĐ ngày 05/3/2024 về việc "Chia tài sản sau ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Hồng L, sinh năm: 1986 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.
- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm: 1986 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1963 (vắng mặt).
Địa chỉ: Khóm F, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.
Ông Phan Văn T, sinh năm 1960 (vắng mặt).
Địa chỉ: Khóm F, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 3 năm 2024 và các lời khai tại tòa nguyên đơn bà Đỗ Hồng L *trình bày:*

Ngày 23 tháng 02 năm 2023 bà Đỗ Hồng L và ông Nguyễn Thành Đ ly hôn với nhau theo bản bản án số 26/2023/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân. Về tài sản chung và nợ chung bà L và ông Đ tự thỏa thuận. Theo thỏa thuận ông Đ nhận tài sản chung và trả nợ chung, ông Đ giao lại cho bà L số tiền 130.000.000 đồng. Chia thành 03 lần, cụ thể: lần thứ nhất tháng 12 năm 2022 ông Đ giao cho bà L số tiền 30.000.000

đồng; lần thứ hai tháng 12 năm 2023 ông Đ giao tiếp cho bà L số tiền 50.000.000 đồng; lần thứ ba tháng 12 năm 2024 ông Đ giao tiếp cho bà L số tiền 50.000.000 đồng. Việc thỏa thuận chia tài sản chung và nợ chung có sự chứng kiến và bảo lãnh của ông Phan Văn T, bà Huỳnh Thị N. Sau khi thỏa thuận ông Đ có giao cho bà L số tiền 30.000.000 đồng, số tiền còn lại 100.000.000 đồng đến nay ông Đ vẫn chưa giao trả tiền cho bà L, mặc dù bà L nhiều lần yêu cầu ông Đ giao trả tiền nhưng ông Đ không trả tiền theo như đã thỏa thuận. Bà L yêu cầu Tòa án xem xét buộc ông Nguyễn Thành Đ trả cho bà số tiền 100.000.000 đồng. Bà L không yêu cầu ông Phan Văn T, bà Huỳnh Thi N có trách nhiệm cùng với ông Đ trả tiền cho bà L.

Tại biên bản hòa giải ngày 08 tháng 4 năm 2024 bị đơn ông Nguyễn Thành Đ *trình bày:*

Ông Đ thống nhất như nội dung đơn khởi kiện ngày 05/3/2024 của bà Đỗ Hồng Lê n là đúng. Ông Đ thừa nhận có thỏa thuận chia tài sản chung với bà L, ông Đ nhận nhà, ông Đ giao lại cho bà L số tiền 130.000.000 đồng, trả 03 lần, ông Đ có trả cho bà L số tiền 30.000.000 đồng, còn lại 100.000.000 đồng đến nay chưa trả, lý do hiện nay còn nợ và hụi chưa mãn nên chưa có điều kiện trả cho bà L số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Thành Đ có nơi cư trú tại huyện P, nguyên đơn bà Đỗ Hồng L khởi kiện yêu cầu ông Đ trả tiền chia tài sản sau ly hôn nên Tòa án nhân dân huyện Phú Tân thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đối với ông Nguyễn Thành Đ, ông Phan Văn T, bà Huỳnh Thị N, nhưng ông Đ, ông T, bà N vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ, ông T, bà N là phù hợp với quy định.

[2] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại phiên tòa nguyên đơn bà Đỗ Hồng L xác định năm 2023 bà L và ông Đ ly hôn theo bản án số 26/2023/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân. Về tài sản chung và nợ chung bà L và ông Đ tự thỏa thuận. Theo thỏa thuận ông Đ nhận tài sản chung và trả nợ chung, ông Đ giao lại cho bà L số tiền 130.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận ông Đ có giao trả cho bà L số tiền 30.000.000 đồng, số tiền còn lại 100.000.000 đồng đến nay ông Đ vẫn chưa giao trả tiền cho bà L. Bà L yêu cầu Tòa án xem xét buộc ông Nguyễn Thành Đ trả cho bà số tiền 100.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, theo bản án số 26/2023/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân thì thể hiện: Về hôn nhân không công nhận mối quan hệ giữa bà Đỗ Hồng L và ông Nguyễn Thành Đ là vợ chồng; về tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận. Tại biên bản hòa giải ngày 08 tháng 4 năm 2024 bị đơn ông Nguyễn

Thành Đ thừa nhận có thỏa thuận chia tài sản chung với bà L, ông Đ nhận nhà, ông Đ giao lại cho bà L số tiền 130.000.000 đồng, trả 03 lần, ông Đ có trả cho bà L số tiền 30.000.000 đồng, còn lại 100.000.000 đồng đến nay chưa trả, lý do hiện nay còn nợ và hụi chưa mãn nên chưa có điều kiện trả cho bà L số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Như vậy việc ông Đ và bà Lê t thỏa thuận phân chia tài sản chung và nợ chung là thực tế có diễn ra các bên đều thừa nhận. Ông Đ thừa nhận còn lại 100.000.000 đồng đến nay chưa trả cho bà L. Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên cần buộc bị đơn ông Nguyễn Thành Đ trả cho nguyên đơn bà Đỗ Hồng L số tiền 100.000.000 đồng là phù hợp. Bà L không yêu cầu ông Phan Văn T, bà Huỳnh Thị N có trách nhiệm cùng với ông Đ trả tiền cho bà Lê n1 không xem xét.

[3] Xét về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Hồng Lê .

Buộc bị đơn ông Nguyễn Thành Đ trả cho bà Đỗ Hồng L số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình ông Nguyễn Thành Đ phải chịu số tiền 5.000.000 đồng, bà Đỗ Hồng L không phải chịu án phí, bà L có nộp tạm ứng án phí 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 0003261 ngày 05/3//2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau được hoàn lại.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận: - Các đương sự;	**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM** **Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Lưu.

Võ Minh Luân